

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2015



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 7 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.032.788.032.097	1.223.578.810.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	95.257.465.617	506.580.539.574
1. Tiền	111		31.059.893.352	385.721.652.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.197.572.265	120.858.887.134
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		122.669.656.384	448.550.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	122.669.656.384	448.550.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		45.261.436.628	53.901.836.218
1. Phải thu khách hàng	131	6	19.026.874.637	7.754.563.636
2. Trả trước cho người bán	132	7	23.376.165.377	33.913.342.793
3. Các khoản phải thu khác	135		2.858.396.614	12.233.929.789
IV. Hàng tồn kho	140	8	728.255.968.039	214.531.655.159
1. Hàng tồn kho	141		729.063.259.648	215.338.946.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.291.609)	(807.291.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.343.505.429	14.779.144
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.045.352.518	-
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		298.152.911	14.779.144
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		736.536.259.681	217.666.987.411
I. Tài sản cố định	220		5.506.677.208	5.309.560.766
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.506.677.208	5.309.560.766
- Nguyên giá	222		6.543.496.800	5.945.191.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.036.819.592)	(635.630.579)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		730.976.000.000	212.325.347.386
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	478.950.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	254.088.000.000	180.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		-	33.427.347.386
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.062.000.000)	(1.102.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		53.582.473	32.079.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		53.582.473	32.079.259
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.769.324.291.778	1.441.245.797.506

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		391.804.308.557	693.737.031.699
I. Nợ ngắn hạn	310		391.804.308.557	693.737.031.699
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	63.100.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	13	245.195.322.400	591.832.667.728
3. Người mua trả tiền trước	313	14	21.677.494.550	14.939.208.491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		70.102.397	4.817.796.342
5. Chi phí phải trả	316		-	11.035.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	47.244.966.200	48.417.055.856
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.070.219.728	14.230.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.446.203.282	8.465.303.282
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.377.519.983.221	747.508.765.807
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	16	1.377.519.983.221	747.508.765.807
1. Vốn điều lệ	411		1.109.955.570.000	573.642.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.759.572.000	14.116.236.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		19.572.915.034	12.780.251.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		234.231.926.187	146.969.868.807
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.769.324.291.778	1.441.245.797.506

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015	01/01/2015
1. Ngoại tệ (USD)	1.648,40	686,06



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T M	Quý II/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Quý II/2014	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	592.388.838.311	970.757.072.007	184.679.742.779	323.350.346.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		592.388.838.311	970.757.072.007	184.679.742.779	323.350.346.302
3. Giá vốn hàng bán	11	18	503.553.895.432	821.275.006.320	168.979.699.307	284.999.192.740
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		88.834.942.879	149.482.065.687	15.700.043.472	38.351.153.562
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	63.901.655.621	69.015.095.951	95.577.172	130.799.299
6. Chi phí tài chính	22	20	8.815.730.748	10.390.860.158	8.793.510.398	3.504.705.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.197.792.925	4.180.848.480	100.708.448	100.708.448
7. Chi phí bán hàng	24	21	(5.097.834.471)	(3.933.159.325)	1.419.347.911	2.599.411.356
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.217.103.907	6.356.356.286	2.347.230.221	3.499.850.914
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		146.801.598.316	205.683.104.519	3.235.532.114	28.877.984.683
10. Thu nhập khác	31		4.589.671.734	4.589.671.734	2.000.000.000	2.000.000.000
11. Chi phí khác	32		408.000	408.000	2.338.092.201	2.338.092.201
12. Lợi nhuận khác	40		4.589.263.734	4.589.263.734	(338.092.201)	(338.092.201)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.390.862.050	210.272.368.253	2.897.439.913	28.539.892.482
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	68.002.397	1.488.245.839	21.026.978	28.775.846
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		151.322.859.653	208.784.122.414	2.876.412.935	28.511.116.636

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Ngày 14 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	210.272.368.253	28.539.892.482
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	401.189.013	211.467.702
Các khoản dự phòng	03	960.000.000	1.102.000.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.314.276.954	1.663.925.930
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(68.419.602.295)	129.557.902
Chi phí lãi vay	06	4.180.848.480	100.708.448
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	149.709.080.405	31.747.552.464
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(32.688.326.695)	(69.865.362.235)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(513.724.312.880)	(36.931.211.964)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(366.268.114.970)	19.207.389.162
Thay đổi chi phí trả trước	12	(21.503.214)	553.746.898
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.180.848.480)	(100.708.448)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.405.464.298)	(71.215.325)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(356.664.000)	(5.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(768.936.154.132)	(55.464.809.448)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(598.305.455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	2.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(9.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	325.880.343.616	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.660.652.614)	(100.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.257.935.628	130.799.299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	351.879.321.175	(107.519.200.701)
CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	482.267.831.980	14.618.968.200
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(419.167.831.980)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.366.241.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.733.759.000	14.618.968.200
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(411.323.073.957)	(148.365.041.949)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	506.580.539.574	177.402.247.656
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	95.257.465.617	29.037.205.707

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong kỳ, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi, do đó trong kỳ không phát sinh khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn là 536.313.160.000 đồng tương ứng với các khoản tiền không thực chi do chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu là 57.363.160.000 đồng và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là 478.950.000.000 đồng.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 7 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014, lần thứ 10 ngày 20/4/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là: 1.109.955.570.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 30 (31 tháng 12 năm 2014: 22).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 hoặc theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/6/2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ;
- Công ty sở hữu 99,78% Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang do đó Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang là bên liên quan.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trở lên trích lập dự phòng mức 70%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong kỳ trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 kỳ 2014 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể, do đó từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện mức trích lập dự phòng chi phí bảo hành là 0,45%/tổng doanh thu. Nếu Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo tỷ lệ 01%/tổng doanh thu trong kỳ như chính sách đã áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 thì chi phí bảo hành của Công ty trong kỳ sẽ tăng tương ứng khoảng 09 tỷ đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	221.204.777	128.304.543
Tiền gửi ngân hàng	29.338.688.575	385.593.347.897
Tiền đang chuyển	1.500.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	64.197.572.265	120.858.887.134
Cộng	95.257.465.617	506.580.539.574

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	122.669.656.384	448.550.000.000
Cộng	122.669.656.384	448.550.000.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các đại lý	17.608.104.637	6.614.563.636
Khách lẻ	1.418.770.000	1.140.000.000
Cộng	19.026.874.637	7.754.563.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
Các đối tượng nước ngoài	482.340,00	10.649.338.800	305.996,00	7.567.208.360
Các đối tượng trong nước	-	12.726.826.577	-	26.346.134.433
Cộng	482.340,00	23.376.165.377	305.996,00	33.913.342.793

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	456.192.211.968	50.438.454.399
Thành phẩm gia công	4.485.800.890	1.816.674.406
Thành phẩm	171.495.434.820	36.214.859.655
Hàng hoá	96.889.811.970	126.868.958.308
Cộng	729.063.259.648	215.338.946.768
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807.291.609)	(807.291.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	728.255.968.039	214.531.655.159

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng VND
	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	5.601.974.547	343.216.798	5.945.191.345
Mua trong kỳ	598.305.455	-	598.305.455
Tại 30/06/2015	6.200.280.002	343.216.798	6.543.496.800
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2015	414.445.087	221.185.492	635.630.579
Khấu hao trong kỳ	380.060.968	21.128.045	401.189.013
Tại 30/06/2015	794.506.055	242.313.537	1.036.819.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	5.187.529.460	122.031.306	5.309.560.766
Tại 30/06/2015	5.405.773.947	100.903.261	5.506.677.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	47.895.000	478.950.000.000	-	-
Cộng	47.895.000	478.950.000.000	-	-

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang kể từ ngày 11/3/2015.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (*)	-	74.088.000.000	-	-
Cộng	18.000.000	254.088.000.000	18.000.000	180.000.000.000

(*) Trong kỳ, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% (tại ngày 01/01/2014 đang trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác) lên 36% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 sửa đổi lần thứ nhất ngày 11/02/2015 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	63.100.000.000	63.100.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CNHP	63.100.000.000	63.100.000.000
Cộng	63.100.000.000	63.100.000.000

Vay ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo từng lần để mua USD thực hiện thanh toán L/C và chịu lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm tiền gửi tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
Dongfeng Motor Co, Ltd	11.090.610,00	242.218.922.400	27.686.353,00	591.823.481.728
Các đối tượng trong nước	-	2.976.400.000	-	9.186.000
Cộng	11.090.610,00	245.195.322.400	27.686.353,00	591.832.667.728

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các đại lý	21.577.494.550	14.839.208.491
Khách hàng bán lẻ	100.000.000	100.000.000
Cộng	21.677.494.550	14.939.208.491

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	1.173.035.856
Khoản phải trả khác	170.946.200	170.000.000
Cộng	47.244.966.200	48.417.055.856

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 25 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND tại ngày 30/6/2015) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014	382.499.480.000	14.270.000.000	8.677.751.000	91.718.588.129	497.165.819.129
Tăng vốn trong năm	114.643.430.000	-	-	-	114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	76.499.500.000	(153.764.000)	-	(76.499.500.000)	(153.764.000)
Trích bổ sung vốn điều lệ	-	-	4.102.500.000	(4.102.500.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.853.280.678	135.853.280.678
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong kỳ (**)	478.950.000.000	-	-	-	478.950.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	57.363.160.000	(356.664.000)	-	(57.363.160.000)	(356.664.000)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(57.366.241.000)	(57.366.241.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	208.784.122.414	208.784.122.414
Trích quỹ trong năm (*)	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Tại 30/06/2015	1.109.955.570.000	13.759.572.000	19.572.915.034	234.231.926.187	1.377.519.983.221

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/01/2015 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 6.792.664.034 đồng, trả cổ tức bằng tiền mặt 10% tương ứng với 57.363.160.000 đồng và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% tương ứng với 5.736.316 cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(**) Phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang và Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành Công ty con của Công ty.

Ngày 11/3/2015, HHS đã hoàn tất công tác phát hành 47.895.000 cổ phần nêu trên theo Văn bản xác nhận số 1059/UBCK-QLPH của UBCK Nhà nước ngày 11/3/2015. Theo đó, Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành công ty con của HHS từ ngày 11/3/2015.

Như vậy, đến ngày 30/6/2015 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 53.631.316 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 536.313.160.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 573.642.410.000 đồng lên 1.109.955.570.000 đồng) và thực hiện niêm yết bổ sung.

Thông tin về cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu

Ngày 25/6/2015, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 và đã ban hành Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ, theo đó Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

Kế hoạch trả cổ tức năm 2015: Tỷ lệ chi trả cổ tức là 30% (tính trên vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2015)

Phát hành cổ phiếu ra công chúng: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 tương ứng 110.995.557 cổ phiếu và phát hành riêng lẻ cho các đại lý của Công ty với số lượng từ 30.000.000 đến 60.000.000 cổ phiếu.

Cổ phiếu

	30/6/2015	01/01/2015
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu	110.995.557	57.364.241
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.995.557</i>	<i>57.364.241</i>
<i>Số lượng cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.995.557	57.364.241

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 1.109.955.570.000 đồng, tại ngày 30/6/2015 các cổ đông đã thực hiện góp đủ theo đăng ký.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/5/2015 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		(Cổ phiếu)	tại 20/5/2015	(%)
			(VND)	
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	24.366.739	243.667.390.000	21,95
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	10.625.175	106.251.750.000	9,57
3	Mutual Fund Elite	7.406.180	74.061.800.000	6,67
4	Ton Poh Thailan Fund	5.907.060	59.070.600.000	5,32
5	Các Cổ đông khác	62.690.403	626.904.030.000	56,49
	Cộng	110.995.557	1.109.955.570.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	970.070.719.367	321.847.799.268
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	686.352.640	1.502.547.034
Cộng	970.757.072.007	323.350.346.302

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	820.755.463.307	283.882.628.093
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	519.543.013	1.116.564.647
Cộng	821.275.006.320	284.999.192.740

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.945.602.295	130.799.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	57.474.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	595.493.656	
Cộng	69.015.095.951	130.799.299

(*) Phản ánh số tiền nhận do tạm ứng cổ tức cho kỳ hoạt động từ ngày 12/3/2015 đến ngày 30/6/2013 của Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang với tỷ lệ cổ tức tạm ứng 2015 là 12%, tương đương 57.474.000.000 đồng.

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.180.848.480	100.708.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.097.401.391	638.071.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.152.610.287	1.663.925.930
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	960.000.000	1.102.000.000
Cộng	10.390.860.158	3.504.705.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí bảo hành	436 838 000	3.421.800.892
Hoàn nhập dự phòng bảo hành theo điều kiện bán hàng	(8.478.796.000)	-
Chi phí nhân viên	1 005 800 000	311.515.137
Chi phí khác	3.102.998.675	2.099.598.790
Cộng	(3.933.159.325)	5.832.914.819

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	210.272.368.253	28.539.892.482
Hoạt động chính	203.507.614.438	28.409.093.183
Hoạt động khác	6.764.753.815	130.799.299
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	57.474.000.000	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	57.474.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	152.798.368.253	28.539.892.482
Thuế suất thông thường	22%	22%
Hoạt động chính	44.771.675.176	6.250.000.500
Hoạt động khác	1.488.245.839	28.775.846
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	46.259.921.015	6.278.776.346
Miễn thuế theo ưu đãi (*)	(44.771.675.176)	(6.250.000.500)
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.488.245.839	28.775.846

(*) Công ty áp dụng miễn thuế cho hoạt động kinh doanh chính theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần				
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	439.263.273.851	144.466.081.838	386.341.363.678	970.070.719.367
- Doanh thu khác	686.352.640	-	-	686.352.640
2. Giá vốn				
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	361.726.007.264	120.841.495.120	338.187.960.923	820.755.463.307
- Giá vốn hoạt động khác	519.543.013	-	-	519.543.013
3. Lợi nhuận gộp				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	77.537.266.587	23.624.586.718	48.153.402.755	149.315.256.060
- Hoạt động khác	166.809.627	-	-	166.809.627
4. Lợi nhuận trước thuế				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	95.214.634.393	31.314.443.940	83.576.480.293	210.105.558.626
- Hoạt động khác	166.809.627	-	-	166.809.627

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/1/2013 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 11/02/2015. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Pruksa là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% lên 36% vốn điều lệ..

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết thông tin tài chính liên quan đến dự án liên doanh, chi phí thực hiện và nguồn thực hiện đang được Công ty trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 30/6/2015 của Công ty như sau:

	01/01/2015 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	30/06/2015 VND
1. Nhận giữ hộ vốn góp của đối tác trong liên doanh (Thuyết minh số 15)	47.074.020.000	-	-	47.074.020.000
2. Nhận tiền từ Công ty liên doanh để chi trả cho phần chi phí đã thực hiện dự án	1.173.035.856	19.778.706.197	20.951.742.053	-

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của Công ty.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh như sau:

STT	Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán (soát xét)	Tại ngày 31/12/2014 trình bày lại	Chênh lệch VND	Ghi chú
			VND	VND		
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	14.230.000.000	14.230.000.000	(1)
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	14.230.000.000	-	(14.230.000.000)	(1)

(1) Trình bày lại khoản Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 7 năm 2015



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc